

Số: 05/2021/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 13 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư
trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 21/2010/QĐ-TTg ngày
03 tháng 3 năm 2010 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông
Nam Nghệ An; số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2014 về việc sửa đổi,
bổ sung khoản 1 Điều 2 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An,
ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg; số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03
tháng 4 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quy chế hoạt động của
Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-
TTg đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg;

Xét Tờ trình số 4790/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Nghân sách tỉnh đảm bảo thực hiện.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 8 năm 2021; thay thế Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Các dự án đã được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ đầu tư theo các chính sách đó cho thời gian còn lại của dự án. Trường hợp mức hỗ trợ đầu tư quy định theo các chính sách trước đây thấp hơn mức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này thì nhà đầu tư được áp dụng mức hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này cho thời gian còn lại của dự án.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ; trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước có dự án đầu tư (kể cả dự án đầu tư mở rộng) thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) có dự án đáp ứng điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư

1. Dự án thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này, bao gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 2.300 tỷ đồng trở lên, hoàn thành đi vào hoạt động theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

d) Dự án có mức nộp ngân sách tỉnh từ hoạt động sản xuất kinh doanh tối thiểu 50 tỷ đồng của năm đầu tiên (không tính thời gian vận hành thử).

2. Chính sách hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư trong lĩnh vực: thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

c) Dự án đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư

1. Các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư vào Nghệ An được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và được hưởng thêm các chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Trường hợp dự án đáp ứng điều kiện được hưởng cùng nội dung hỗ trợ đầu tư tại nhiều quy định khác nhau của tỉnh thì được áp dụng mức hỗ trợ đầu tư cao nhất.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ÁP DỤNG CHUNG

Điều 4. Hỗ trợ đào tạo lao động

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với dự án đầu tư vào Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên và sử dụng từ 2.000 lao động trở lên, nhà đầu tư có ký hợp đồng lao động với người lao động từ 12 tháng trở lên, tham gia bảo hiểm xã hội, gửi lao động đi đào tạo tại các cơ sở trong và ngoài tỉnh, ngoài nước hoặc đào tạo tại cơ sở sản xuất, có chứng chỉ sơ cấp trở lên, bao gồm đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ và kiến thức hội nhập quốc tế.

b) Đối với dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế Đông Nam và ngoài các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh

Dự án đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này sử dụng lao động từ: 50 lao động trở lên đối với dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, 200 lao động trở lên đối với dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nhà đầu tư có ký hợp đồng với người lao động từ 12 tháng trở lên, tham gia đóng bảo hiểm xã hội, gửi lao động đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh, ngoài nước hoặc đào tạo tại cơ sở sản xuất, có chứng chỉ sơ cấp trở lên.

2. Mức hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo 01 lần với mức 2.000.000 đồng/01 lao động.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư

1. Điều kiện hỗ trợ

Dự án đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

2. Mức hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thực hiện các thủ tục đầu tư trong bước chuẩn bị đầu tư theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào Dự án

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này; các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam có tổng vốn đầu tư nhóm A trở lên theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế Đông Nam và ngoài các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này và có tổng vốn đầu tư nhóm A trở lên theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư đường giao thông, hệ thống thoát nước đến hàng rào dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án này để thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc đến hàng rào dự án để bán trực tiếp cho nhà đầu tư.

Mục 2

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, KINH DOANH TRONG KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Điều 7. Hỗ trợ về giá, đơn giá thuê đất, thuê mặt nước

1. Theo quy định của pháp luật về đất đai, định kỳ 05 năm hoặc khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành bảng giá đất khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó, giá đất khu công nghiệp đảm bảo ở mức thấp nhất trong khung giá

do Chính phủ quy định và không thấp hơn mức giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh được áp dụng Hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm (K) bằng 1 và Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất bằng 0,5% trong suốt thời hạn thuê đất, trừ trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi. Trường hợp, Chính phủ điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất thì xác định bằng mức thấp nhất theo quy định của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng bảng giá đất khu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này; tham mưu thực hiện cơ chế ổn định giá đất theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ san lấp mặt bằng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh; dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng biển tại khu bến Cửa Lò, khu bến Đông Hội theo hình thức xã hội hóa:

Sau khi nhà đầu tư hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật toàn bộ dự án hoặc theo phân kỳ đầu tư được cấp có thẩm quyền cho phép (nếu có), ngân sách tỉnh hỗ trợ cho nhà đầu tư 50% chi phí san lấp mặt bằng, nhưng không vượt quá 30 tỷ đồng/100 ha đối với dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; không vượt quá 20 tỷ đồng/01 dự án đối với dự án xây dựng và kinh doanh cảng biển.

2. Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên, đầu tư vào khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh nhưng chưa có chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng:

Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho nhà đầu tư 50% chi phí san lấp mặt bằng, nhưng không vượt quá:

- a) 05 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng;
- b) 10 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng;
- c) 15 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên.

Mục 3

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM VÀ NGOÀI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Điều 9. Hỗ trợ san lấp mặt bằng

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên, đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này và sử dụng thường xuyên bình quân hàng năm từ 200 lao động trở lên;

b) Dự án đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quy định này;

c) Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên, đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quy định này.

2. Mức hỗ trợ

Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng nhưng không vượt quá:

a) 05 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng;

b) 10 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng;

c) 15 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên.

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến

1. Điều kiện hỗ trợ

Vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến có quy mô như sau:

a) Vùng nguyên liệu cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây dược liệu, cây thức ăn cho gia súc có quy mô tập trung 100 ha trở lên;

b) Rừng nguyên liệu có quy mô tập trung 300 ha trở lên;

c) Dự án nuôi tôm giống có quy mô 20 triệu con giống/năm (đối với sản xuất tôm giống) hoặc có diện tích từ 50 ha nuôi tôm thâm canh trở lên.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông trực chính vào trung tâm vùng nguyên liệu tập trung;

b) Đối với đường điện hạ thế vào trung tâm vùng nguyên liệu: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ngành điện lực đầu tư cho từng dự án cụ thể. Nếu nhà đầu tư tự đầu tư thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư trong thời hạn 05 năm, mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 03 tỷ đồng.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN

Điều 11. Trình tự thực hiện

1. Nhà đầu tư hoặc Chủ đầu tư các công trình do ngân sách tỉnh đầu tư nộp 05 bộ hồ sơ (trong đó có tối thiểu 01 bộ gốc hoặc bộ sao hợp lệ) theo quy định tại Điều 12 Quy định này tại Sở Tài chính.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần thiết).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến gửi văn bản trả lời về Sở Tài chính.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và tờ trình của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ đầu tư.

Điều 12. Thành phần hồ sơ

1. Hồ trợ đào tạo lao động

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư;

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án;

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình dự án;

d) Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên làm việc tại doanh nghiệp;

đ) Danh sách người lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đăng ký đóng bảo hiểm cho người lao động;

e) Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách cấp chứng chỉ của đơn vị tổ chức đào tạo có chữ ký nhận của học viên;

g) Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng đào tạo.

2. Hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư;

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình dự án;

d) Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng với bên thứ ba (nếu có);

đ) Chứng từ thanh toán (Hóa đơn, phiếu thu, chứng từ chuyển khoản);

3. Hỗ trợ san lấp mặt bằng

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư;

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; *Lu*

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình dự án hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, công trình theo phân kỳ đầu tư (nếu có);

d) Thiết kế kỹ thuật, dự toán san lấp mặt bằng do nhà đầu tư phê duyệt;

đ) Hợp đồng thi công, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục san nền;

e) Bản quyết toán khối lượng san nền hoàn thành giữa nhà đầu tư và nhà thầu, hồ sơ hoàn công (các chứng chỉ chất lượng, nhật ký thi công, giám sát thi công, bản vẽ hoàn công, quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục san nền của nhà đầu tư).

4. Hỗ trợ lãi suất làm đường điện

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư;

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình dự án;

d) Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành; Hợp đồng vay vốn và bảng tính lãi suất vay vốn của nhà đầu tư

5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống thoát nước

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư;

b) Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án xây dựng đường giao thông, hệ thống thoát nước của cấp có thẩm quyền.

[Handwritten signature]

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý



10/10/2023